

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-ST.
Ngày: 02/03/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Trương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Đắc T**, sinh ngày 12/7/1977.

Căn cước công dân số: Ngày cấp: 12/01/2022.

Địa chỉ: I đường V, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1981, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/12/2025 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Trịnh Thị Thúy L**, sinh ngày 01/01/1984 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số:

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành Phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/11/2025, quá trình tố tụng, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Ngày 08/11/2023 dương lịch ông Phạm Đắc T có cho bà Trịnh Thị Thúy L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, bà L có

hứa sẽ trả tiền cho ông T trong vài tháng sau, bà L viết biên nhận lập ngày 08/11/2023 bằng giấy tay đưa cho ông T giữ. Sau đó đến ngày 18/12/2023 bà L tiếp tục liên lạc hỏi vay thêm của ông T số tiền 18.000.000 đồng, thì lúc này ông T có chuyển khoản cho bà L qua số tài khoản 1036968500 tại Ngân hàng TMCP N1 có ghi nội dung “TAI CHO MA LOAN VAY”, cũng thỏa thuận là lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận hai tháng trả cho ông T, đóng lãi một tháng đóng một lần nhưng từ khi hỏi vay thì bà L chưa có đóng tiền lãi cho ông T. Ông T có đòi bà L trả lại tiền vay nhưng bà L cứ hứa hẹn không trả tiền lại cho ông T.

Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/11/2025, nguyên đơn ông T yêu cầu bà Trịnh Thị Thúy L trả lại cho ông Phạm Đắc T số tiền vốn vay 38.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/11/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà L trả cho ông T số tiền vốn gốc 38.000.000 đồng và tiền lãi thay đổi với mức lãi suất 0.83%/tháng từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (ngày 02/3/2026).

2/ Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có lời trình bày gửi đến Tòa án.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đắc T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận thay đổi về mức lãi suất và thời gian yêu cầu lãi suất của ông T; Đồng thời đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đắc T. Buộc bà Trịnh Thị Thúy L trả cho ông Phạm Đắc T số tiền nợ vay 38.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày thụ lý 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/03/2026 trên số tiền 38.000.000 đồng, bà L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phạm Đắc T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Thúy L địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền vay và lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo qui định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Đắc T vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn tham gia phiên tòa; Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy L đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L.

[3] Xét yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể thay đổi về mức lãi suất yêu cầu từ 1,66%/tháng xuống 0,83%/tháng và thời gian tính lãi suất yêu cầu tính từ ngày thụ lý vụ án 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2026 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi lãi suất của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà L trả số tiền vốn gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày Tòa án thụ lý 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm trên mức lãi suất 0,83%/tháng. Bị đơn không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nguyên đơn ông T khởi kiện đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông bằng việc cung cấp chứng cứ gồm 01 biên nhận tiền lập ngày 08/11/2023 được viết tay trên giấy tập học sinh và một bản chụp màn hình chuyển tiền cho bà L. Xét thấy: tại tờ giấy tập học sinh có tựa đề “Biên nhận Tiền” có nội dung “Tôi là *Trịnh Thị Thúy L sn 1984.1-1 sô cccd. 09418404454, hôn nay ngay 8-11-2023 tôi có vay của anh, phạm đắc T sô tiền 20.000.000, ; hai mươi triệu đồng,*” có ký tên và ghi họ tên Trịnh Thị Thúy L dưới mục người vay tiền; Và xét bản chụp màn hình điện thoại có thể hiện nội dung “Chuyển tiền thành công 18.000.000 VND Mười tám triệu đồng từ PHAM DAC TAI *****67 đến TRINH THI THUY LOAN V – NH TMCP NGOAI THUONG 1036968500 chuyển lúc 18/12/2023, 14:08:28....Nội dung TAI CHO MA LOAN VAY...”. Bên cạnh đó Tòa án cũng có lập văn bản hỏi thông tin liên quan đến tài khoản của bà Trịnh Thị Thúy L được Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh S xác nhận cá nhân TRINH THI THUY LOAN cccd 094184014454 có thông tin tài khoản thanh toán số 1036968500 mở ngày 17/04/2023 tại V chi nhánh S vào ngày 18/12/2023 tài khoản thanh toán số 1036968500 tên chủ tài khoản TRINH THI THUY LOAN có lịch sử giao dịch cụ thể số tiền thụ hưởng: 18.000.000 đồng và nội dung chi tiết:...TAI CHO MA LOAN VAY...” xác nhận này của Ngân hàng có nội dung phù hợp với nội dung chụp màn hình chuyển tiền thành công mà nguyên đơn ông T đã cung cấp cho Tòa án. Từ đó cho thấy nguyên đơn ông T đã cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T có cho bà L vay tiền ngày 08/11/2023 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 18/12/2023 số tiền là 18.000.000 đồng. Bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là từ bỏ quyền phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhận thấy, nguyên đơn ông T cho bà L vay không

thể hiện thời gian nào buộc bà L trả lại số tiền vay nhưng ông T đã có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà L trả tiền nợ vay nhưng đến nay bà L không trả cho ông T số tiền nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Nên căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T buộc bị đơn bà L trả cho ông T số tiền vốn vay 38.000.000 đồng.

[4.2] Về mức lãi suất: Ông T yêu cầu bà L trả lãi suất từ ngày Tòa án thụ lý 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2026 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Nhận thấy, như nhận định tại mục [4.1] xác định bà L còn nợ ông T số tiền vốn vay là 38.000.000 đồng. Ông T trình bày cho bà L vay là có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng bà L không có đóng lãi cho ông tháng lãi nào, ông T cũng không có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh ông T cho bà L vay tiền có lãi suất, cũng không có kỳ hạn trả nợ, cho nên trường hợp này thuộc hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi suất. Vì thế, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định “*thời gian chậm trả đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý đến thời điểm xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo*”. Ông T cho rằng có nhiều lần đến đòi bà L trả tiền lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Như vậy ông T nộp đơn khởi kiện từ ngày 17/11/2025 yêu cầu bà L trả nợ tiền vay và có yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, đối thoại, trong thời gian hòa giải, đối thoại được xem như ông T đã thông báo cho bà L thời gian để trả nợ cho ông T, cho nên ông T yêu cầu bà L trả lãi suất cho ông T từ ngày thụ lý vụ án 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2026 với mức lãi suất chậm trả 0.83%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 357 và Nghị quyết 01/2019 nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi bà L cần trả cho ông T được tính như sau: tính từ ngày thụ lý vụ án 22/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02/3/2026, với mức lãi suất chậm trả là 0.83%/tháng, thời gian trả lãi suất là 02 tháng 08 ngày. Số tiền lãi suất được tính là $38.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 02 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 715.000 \text{ đồng (làm tròn)}$.

[5] Như vậy bà L có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 715.000 đồng. Tổng cộng là 38.715.000 đồng. Từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông T không phải chịu án phí và nguyên đơn ông T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012838 ngày 22/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Còn bị đơn bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 1.936.000 đồng (làm tròn).

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đắc T về việc yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thị Thúy L trả số tiền nợ vay.

2/ Buộc bà Trịnh Thị Thúy L phải trả cho ông Phạm Đắc T số tiền còn nợ là 38.715.000 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 38.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 715.000 đồng.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Đắc T không phải chịu án phí. Ông Phạm Đắc T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012838 ngày 22/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy L phải chịu án phí số tiền 1.936.000 đồng (Một triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng